

PHỤ LỤC II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Lai Châu)

I. TRỒNG RỪNG THUẦN LOÀI

1. Trồng rừng Quế

1.1. Trồng rừng Quế hữu cơ

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới đối với trồng tập trung			<ul style="list-style-type: none">- Nguồn gốc giống: Vật liệu nhân giống được thu từ nguồn giống đã được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn ở các lâm phần hoặc cây phân tán có địa chỉ rõ ràng;- Tuổi cây: Tối thiểu 12 tháng tuổi kể từ khi gieo hạt hoặc cấy cây vào bầu;- Chiều cao cây: Tối thiểu 25 cm;- Đường kính cổ rễ: Tối thiểu 0,4 cm;- Hình thái cây: Cây sinh trưởng tốt, khỏe mạnh, lá xanh, không cụt ngọn;- Bầu cây: Đường kính tối thiểu là 6 cm, chiều cao tối thiểu là 12 cm, hỗn hợp ruột bầu thấp hơn mặt bầu tối đa là 1cm, bầu không bị vỡ, bẹp;- Tình trạng sâu, bệnh hại: Không có biểu hiện sâu, bệnh hại.
-	Trồng để khai thác tia thưa, trồng trên đất lập địa xấu (tầng đất mỏng)	Cây/ha	5.000	
-	Trồng để khai thác tia thưa, trồng trên đất lập địa xấu	Cây/ha	6.666	
-	Trồng để khai thác tia thưa, trồng trên đất lập địa tốt	Cây/ha	3.333	
-	Trồng để khai thác tia thưa, trồng trên đất lập địa tốt	Cây/ha	4.444	
-	Trồng để khai thác chính	Cây/ha	1.650	
-	Trồng để khai thác chính	Cây/ha	2.000	
-	Trồng để khai thác chính	Cây/ha	2.500	
2	Cây trồng mới đối với trồng nông lâm kết hợp	Cây/ha	5.000	
-	Cây trồng mới đối với trồng nông lâm kết hợp	Cây/ha	3.300	
3	Cây trồng mới đối với trồng phân tán trong các vườn hộ		Trồng cự ly tối thiểu từ 2-3m (mật độ quy đổi 1.000 cây/ha)	
4	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
5	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân hữu cơ vi sinh)	kg/cây/năm	0,5	
-	Năm 1, năm 2, năm 3 (bón thúc phân hữu cơ vi sinh)	kg/cây/năm	0,5-1,0	

1.2. Trồng rừng Quế thông thường

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới đối với trồng tập trung			<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Vật liệu nhân giống được thu từ nguồn giống đã được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn ở các lâm phần hoặc cây phân tán có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: ≥ 12 tháng tuổi kể từ khi gieo hạt hoặc cấy cây vào bầu. - Chiều cao cây: ≥ 25cm. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,4$cm. - Bầu cây: Đường kính ≥ 6cm, chiều cao ≥ 12cm, hỗn hợp ruột bầu thấp hơn mặt bầu tối đa 1cm, bầu không bị vỡ, bẹp. - Cây sinh trưởng tốt, khỏe mạnh, lá xanh, không cụt ngọn; không có biểu hiện sâu, bệnh hại.
-	Trồng để khai thác tia thưa, trồng trên đất lập địa xấu (tầng đất mỏng)	cây/ha	5.000	
			6.666	
-	Trồng để khai thác tia thưa, trồng trên đất lập địa tốt	cây/ha	3.333	
			4.444	
-	Trồng để khai thác chính hoặc trồng rừng phòng hộ	cây/ha	1.650	
			2.000	
			2.500	
2	Trồng nông lâm kết hợp	cây/ha	5.000	
			3.300	
3	Trồng phân tán trong các vườn hộ	cây/ha	Trồng cự ly tối thiểu từ 2-3m (mật độ quy đổi 1.000 cây/ha)	
4	Trồng làm giàu rừng, khoanh nuôi tái sinh có bổ sung	cây/ha	600	
5	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
6	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót)	kg/cây/năm	0,1-0,3 kg NPK tỷ lệ 5.10.3 hoặc tương đương (không quá 666 kg/ha)	
-	Năm 1, năm 2, năm 3 (bón thúc)	kg/cây/năm	0,1-0,2 kg NPK tỷ lệ 5.10.3 hoặc tương đương (không vượt quá 666 kg/ha)	

2. Trồng rừng Lát hoa

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.000	- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: Từ 7-9 tháng tuổi, tính từ thời điểm cấy cây con vào bầu.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	- Chiều cao cây: $\geq 70\text{cm}$. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,6\text{cm}$. - Bầu cây: Đường kính $\geq 13\text{cm}$; chiều cao $\geq 16\text{cm}$; hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không có sâu, bệnh hại.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

3. Trồng rừng Keo lai

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.333 hoặc 1.600	<ul style="list-style-type: none"> - Cây có bầu, được nhân giống bằng phương pháp nhân giống vô tính. - Nguồn gốc giống: Từ cây mầm, cây mô rễ trần (cây nuôi cấy mô) hoặc hom (cây giâm hom) được tạo ra từ vật liệu giống gốc. - Tuổi cây: (1) Đối với cây nhân giống bằng nuôi cấy mô: Từ 2-5 tháng tuổi kể từ khi cây được cấy vào bầu (2) Đối với cây nhân giống bằng hom: Từ 2-4 tháng tuổi kể từ khi cây được cấy vào bầu. - Đường kính cổ rễ: 0,3-0,4cm; - Chiều cao cây: 25-35cm. - Bầu cây: Kích thước bầu $\geq 6 \times 10$cm. Hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ, không biến dạng, rễ cây phủ xung quanh mặt trong của bầu. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe và không có biểu hiện bị sâu bệnh, có từ 10-15 lá.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót)	kg/cây/năm	NPK: 0,2 - 0,3 kg/cây hoặc phân vi sinh 0,3-0,5 kg/cây	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

4. Trồng rừng Keo tai tượng

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.333 hoặc 1.600	- Nguồn gốc giống: Được tạo ra từ hạt giống thu từ nguồn giống được công nhận. - Tuổi cây: Từ 3-5 tháng kể từ khi hạt đã qua xử lý được cấy vào bầu. - Đường kính cổ rễ: Từ 0,3-0,4cm. - Chiều cao cây: Từ 25-35cm.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	- Bầu cây: Đường kính ≥ 6 cm, chiều cao ≥ 10 cm. Hồ hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ, không biến dạng, rễ cây phủ xung quanh mặt trong của vỏ bầu. - Cây cứng cáp, không cut ngọn, lá xanh, cây khỏe, không có biểu hiện bị sâu bệnh hại.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót)	kg/cây/năm	NPK: 0,2-0,3 kg/cây hoặc phân vi sinh 0,3-0,5 kg/cây	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

5. Trồng rừng Giổi xanh

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Hạt giống thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: Từ 10-12 tháng kể từ khi cấy cây con vào bầu. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,7\text{cm}$. - Chiều cao cây: $\geq 60\text{cm}$. - Bầu cây: Đường kính $\geq 13\text{cm}$, chiều cao $\geq 16\text{cm}$. Hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh, không bị vóng lứt; không có biểu hiện sâu bệnh hại trong lô cây giống.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

6. Trồng rừng Giổi ăn hạt (cây ghép)

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	500	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc cành ghép: Cành ghép được lấy từ cây trội hoặc vườn vật liệu giống có nguồn gốc từ cây trội được cấp có thẩm quyền công nhận. - Tuổi cây: ≥ 6 tháng tính từ thời điểm ghép. - Vị trí vết ghép: <ul style="list-style-type: none"> + Độ cao vết ghép: Chiều cao từ mặt bầu đến vị trí ghép từ 20-30cm; + Mức độ liền sẹo: Vết ghép đã liền sẹo. - Chồi cây ghép: Chồi mọc ra từ cành ghép có chiều dài ≥ 20cm, thân chồi ghép đã hóa gỗ và có ít nhất 3 lá. - Chiều cao cây: ≥ 40cm tính từ mặt bầu đến đỉnh sinh trưởng của cây ghép. - Đường kính gốc ghép: $\geq 0,6$cm. - Bầu cây: Bầu có đáy, đục lỗ, đường kính ≥ 13cm, chiều cao ≥ 15cm. Hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu 0,5-1cm. Bầu không bị vỡ, bẹp. - Cây sinh trưởng tốt, không có sâu, bệnh hại.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

7. Trồng rừng Mắc Ca

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới			- Tuổi cây từ 6-12 tháng tuổi, tính từ thời điểm ghép. - Nguồn gốc hom ghép lấy từ cây đầu dòng hoặc từ vườn cây đầu dòng; đường kính hom từ 0,7-1,0 cm; chiều dài hom từ 8-16 cm.
-	Trồng thuần loài	cây/ha	205-278	- Vị trí vết ghép: Chiều cao từ mặt bầu đến vị trí ghép từ 20-25cm; vết ghép đã liền sẹo. - Chồi ghép mọc ra từ hom ghép; thân chồi ghép đã hóa gỗ và có ít nhất 2 vòng lá.
-	Trồng xen với cây chè	cây/ha	74 hoặc 93 hoặc 111	- Chiều cao cây: Từ 50-70cm tính từ gốc đến ngọn. - Đường kính gốc (tại vị trí cổ rễ): Từ 1,0-1,7cm. - Bầu cây: Đường kính từ 16-19cm; chiều cao từ 30-35cm; bầu đất có từ 4-6 lỗ ở phía đáy bầu và quanh thành bầu.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	- Cây sinh trưởng, phát triển tốt, khỏe mạnh, lá xanh, không cụt ngọn; không có sâu, bệnh hại.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót)	kg/cây/năm	Từ 30-50kg phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh (liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì) kết hợp 0,5 kg NPK	
-	Năm 2 (bón thúc)	kg/cây/năm	Từ 10-20kg phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh (liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì) kết hợp 0,1kg NPK	
-	Năm 3 (bón thúc)	kg/cây/năm	Từ 20-30kg phân chuồng hoai hoặc phân vi sinh (liều lượng theo chỉ dẫn trên bao bì) kết hợp 0,2kg NPK	
4	Vôi bột			
-	Năm 1	kg/cây/năm	0,3	
-	Năm 2, năm 3	kg/cây/năm	0,1	

8. Trồng rừng Thông Nhựa

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	2.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Thu từ nguồn giống được công nhận. - Tuổi cây: Từ 12-18 tháng kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu. - Chiều cao cây: ≥ 15cm tính từ mặt bầu. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,8$cm
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu cây: Đường kính ≥ 8cm, chiều cao ≥ 15cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu từ 0,5-1cm, bầu không bị vỡ, biến dạng. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không phát hiện có sâu, bệnh hại trong lô cây giống.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

9. Trồng rừng Thông 3 lá

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	2.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Thu từ nguồn giống được công nhận. - Tuổi cây: 6-8 tháng kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu. - Chiều cao cây: ≥ 20cm tính từ mặt bầu. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,6$cm. - Bầu cây: Đường kính ≥ 8cm, chiều cao ≥ 15cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu từ 0,5-1 cm, bầu không bị vỡ, biến dạng. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lướn; không phát hiện có sâu, bệnh hại trong lô cây giống.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

10. Trồng rừng Thông mã vĩ (Thông đuôi ngựa)

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	2.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Thu từ nguồn giống được công nhận. - Tuổi cây: Từ 6-9 tháng kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu. - Chiều cao cây: Từ 25-30 cm. - Đường kính cổ rễ: Từ 0,3-0,4 cm. - Hình thái cây: Cây khỏe, cứng cáp, không cụt ngọn, lá màu xanh. - Bầu cây: Đường kính \geq 8cm, chiều cao \geq 12cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu tối đa 1cm, bầu không bị vỡ. - Cây khỏe, cứng cáp, không cụt ngọn, lá màu xanh; không có dấu hiệu bị sâu bệnh hại.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

11. Trồng rừng Bạch đàn lai

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.660	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc: Từ cây mầm, cây mô rễ trần (cây nuôi cấy mô) hoặc hom (cây giâm hom) được tạo ra từ vật liệu giống gốc. - Tuổi cây: 2-4 tháng, kể từ khi cây được cấy/giâm vào bầu. - Đường kính cổ rễ: 0,3- 0,4cm; - Chiều cao: 20-35cm (cây nuôi cấy mô), 25-35cm (cây giâm hom). - Bầu cây: Kích thước bầu $\geq 6 \times 10$cm, hỗn hợp bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ, không biến dạng. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, 14-16 lá, không sâu bệnh.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc NPK)	kg/cây/năm	0,2	

12. Trồng rừng Bạch đàn urô

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	2.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Được tạo ra từ nguồn giống được công nhận đối với cây hạt; từ vườn cây đầu dòng đối với cây hom và cây mô. - Tuổi cây: <ul style="list-style-type: none"> + Cây con từ hạt: Từ 3-4 tháng; + Cây con từ hom có bầu: Từ 2-4 tháng. + Cây con từ mô có bầu: Từ 2-4 tháng kể từ khi cây được cấy vào bầu. - Chiều cao: <ul style="list-style-type: none"> + Cây con từ hạt: Cao từ 30-40cm. + Cây con từ hom có bầu: Cao từ 25-35cm, có ít nhất 14 lá hoàn chỉnh. + Cây con từ mô có bầu: Cao từ 20-35cm, có ít nhất 14 lá hoàn chỉnh. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,3\text{cm}$; - Bầu cây: Đường kính tối thiểu là 7cm, chiều cao $\geq 10\text{cm}$, hỗn hợp ruột bầu thấp hơn mặt bầu tối đa là 1cm, bầu không bị vỡ. - Cây khỏe, cứng cáp, không cụt ngọn, lá màu xanh; không có biểu hiện sâu, bệnh hại.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

13. Trồng rừng Bô đề

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	2.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc: Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng theo quy định. - Tuổi cây: 1,5-2 tháng kể từ khi cây mầm được cấy vào bầu. - Chiều cao: 10-15cm tính từ mặt bầu. - Bầu cây: Đường kính tối thiểu là 6 cm, chiều cao \geq 12 cm, không bị vỡ, không biến dạng. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, 5-7 lá; không có sâu, bệnh.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

14. Trồng rừng Hồng

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.660	- Nguồn gốc: Có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng theo quy định. - Tuổi cây: Từ 2,5-3 tháng. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,5\text{cm}$. - Chiều cao: Từ 25- 35cm.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	- Bầu cây: Đường kính tối thiểu là 9 cm, chiều cao ≥ 12 cm, không bị vỡ, không biến dạng. - Hình thái: Cây cứng cáp, không cụt ngọn, không gãy thân, không sâu bệnh.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

15. Trồng rừng Xoan đào

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.100	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: được lấy từ cây trội hoặc vườn vật liệu giống có nguồn gốc từ cây trội được cấp có thẩm quyền công nhận. - Tuổi cây: Từ 12-15 tháng. - Chiều cao: Từ 50-70 cm. - Đường kính gốc: Từ 0,4-0,7 cm. - Hình thái cây: Cây sinh trưởng tốt, không sâu bệnh, không bị cụt ngọn.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,3	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,3	

16. Trồng rừng Xoan ta

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
-	Cây trồng mới	cây/ha	1.660	- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: Từ 10-12 tháng tuổi, kể từ khi hạt đã qua xử lý được cấy vào bầu. - Chiều cao cây: ≥ 70 cm. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,6$ cm.
-	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	- Bầu cây: Đường kính ≥ 10 cm; chiều cao ≥ 16 cm; hỗn hợp ruột bầu dày ngang mặt bầu, không bị vỡ. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lướn; không có biểu hiện, không có sâu, bệnh hại.
-	Phân bón			
+	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
+	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

17. Trồng rừng Lim xanh

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.660	- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống đã được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần tuyển chọn có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: $\geq 18-24$ tháng kể từ khi hạt đã qua xử lý được cấy vào bầu. - Chiều cao: ≥ 40 cm. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,7$ cm; - Bầu cây: Đường kính ≥ 10 cm, chiều cao ≥ 16 cm, hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ, bẹp. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không có sâu, bệnh hại.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

18. Trồng rừng Sa mộc (Sa mu)

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	2.000	- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn từ các lâm phần hoặc cây phân tán có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: Từ 12-18 tháng kể từ khi cấy cây con vào bầu. - Chiều cao cây: ≥ 35 cm. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,4$ cm. - Bầu cây: Đường kính ≥ 10 cm; chiều cao ≥ 16 cm; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn mặt bầu 1cm, không bị vỡ, bẹp bầu.
2	Cây trồng dặm	%	10	- Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh, không bị vóng lứt; không có biểu hiện sâu, bệnh hại trong lô cây giống.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

19. Trồng rừng Sơn tra

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Giống cây Sơn tra gieo ươm từ hạt:</i> + Hạt giống thu từ nguồn giống đã được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần hoặc cây trồng phân tán có địa chỉ rõ ràng. + Tuổi cây: Từ 5-7 tháng kể từ khi cấy cây mầm vào bầu. + Chiều cao cây: $\geq 50\text{cm}$; đường kính cổ rễ: $\geq 0,4\text{cm}$.
-	Cây gieo ươm từ hạt	cây/ha	1.660	<ul style="list-style-type: none"> + Bầu cây: Đường kính tối thiểu 9cm; chiều cao $\geq 13\text{ cm}$; có đục lỗ ở đáy bầu; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu từ 0,5-1,0cm, bầu không bị vỡ, bẹp. + Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không phát hiện sâu, bệnh hại trong lô cây giống.
-	Cây ghép	cây/ha	400 - 500	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Giống cây Sơn tra ghép:</i> + Nguồn gốc cành ghép: Cành ghép thu từ cây trội, vườn giống vô tính đã được tuyển chọn và công nhận. + Tuổi cây ghép: Từ 5-7 tháng tuổi tính từ thời điểm ghép. + Chiều cao từ mặt bầu đến vị trí ghép từ 20-30 cm; vết ghép đã liền sẹo. + Chồi ghép mọc ra từ hom ghép lớn hơn 50cm, thân chồi ghép đã hóa gỗ.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	<ul style="list-style-type: none"> + Chiều cao cây: $\geq 60\text{cm}$; đường kính gốc (tại vị trí cổ rễ): $\geq 1,0\text{cm}$. + Bầu cây: Đường kính $\geq 13\text{cm}$; chiều cao $\geq 18\text{cm}$; có đục lỗ ở đáy bầu; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn miệng bầu từ 0,5-1,0cm, bầu không bị vỡ, bẹp. + Cây khỏe mạnh, thân thẳng, thân đã hóa gỗ, bộ rễ phát triển tốt, không bị cụt ngọn, không nhiều thân, không sâu bệnh; không có biểu hiện sâu bệnh hại.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót)	kg/cây/năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cây gieo ươm từ hạt bón phân NPK 0,2 kg/cây; - Cây ghép bón 5kg phân chuồng và 0,3 kg phân NPK 	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	<ul style="list-style-type: none"> - Cây gieo ươm từ hạt bón phân NPK 0,2 kg/cây; - Cây ghép bón 0,5 kg NPK 	

20. Trồng rừng Mỡ

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	2.500	- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: Từ 4-6 tháng tuổi, kể từ khi hạt đã qua xử lý được cấy vào bầu; - Chiều cao cây: ≥ 40 cm.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	- Đường kính cổ rễ: $\geq 0,4$ cm. - Bầu cây: Đường kính ≥ 10 cm; chiều cao ≥ 16 cm; hỗn hợp ruột bầu dày ngang mặt bầu, không bị vỡ. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không có biểu hiện, không phát hiện sâu bệnh hại trong lô cây giống.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

21. Trồng rừng Tẻch

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.660	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: Từ 12-16 tháng tuổi, kể từ khi cấy cây con vào bầu.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều cao cây: $\geq 50\text{cm}$. - Đường kính cổ rễ: $\geq 1,0\text{cm}$. - Bầu cây: Đường kính $\geq 10\text{cm}$; chiều cao $\geq 16\text{cm}$; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn mặt bầu 1,0cm. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không có biểu hiện, không phát hiện sâu bệnh hại trong lô cây giống.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

22. Trồng rừng Trầu

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới (cây ghép)	cây/ha	330	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, cây có bầu, được nhân giống bằng cây ghép. - Tuổi cây: Tối thiểu 6 tháng tuổi, tính từ thời điểm ghép - Đường kính gốc (tại vị trí cổ rễ): Tối thiểu 1,0 cm; - Chiều cao: Chiều cao cây tối thiểu 40 cm tính từ mặt bầu; phần mắt ghép khỏe mạnh, có chiều cao tối thiểu 20 cm;
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	<ul style="list-style-type: none"> - Vị trí vết ghép: Chiều cao từ mặt bầu đến vị trí ghép từ 20-30cm; vết ghép đã liền sẹo. - Cây sinh trưởng tốt, không có sâu, bệnh hại.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

23. Trồng rừng Trám trắng

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới			<p>- <i>Cây gieo ươm từ hạt:</i> + Nguồn gốc giống: Hạt giống thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần, cây trồng phân tán có địa chỉ rõ ràng. + Tuổi cây: Từ 9-12 tháng kể từ khi cấy cây con vào bầu. + Chiều cao cây: ≥ 60cm. + Đường kính cổ rễ: $\geq 0,6$cm. + Bầu cây: Đường kính ≥ 13cm, chiều cao ≥ 16 cm, hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ. + Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không phát hiện sâu bệnh hại trong lô cây giống.</p> <p>- <i>Cây ghép:</i> + Nguồn gốc giống: Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại. + Tuổi cây (tính từ thời điểm ghép): Từ 6 tháng tuổi trở lên; + Chiều cao cây: Từ 50cm trở lên, chiều dài của cành ghép > 20cm. + Đường kính cổ rễ: ≥ 1cm.</p>
-	Trồng bằng cây gieo ươm từ hạt	cây/ha	1.660	
-	Cây ghép	cây/ha	500	
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối (cho cây ghép) năm 1	kg/cây	0,01	

24. Trồng rừng cây Trám đen

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.000	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây trội được chọn từ các lâm phần hoặc cây phân tán có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: Từ 10-14 tháng tuổi kể từ khi cấy cây con vào bầu. - Chiều cao cây: $\geq 70\text{cm}$; - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,6\text{cm}$. - Bầu cây: Đường kính $\geq 10\text{cm}$; chiều cao $\geq 16\text{cm}$; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn mặt bầu 1cm, không bị vỡ, bẹp bầu. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không có biểu hiện sâu, bệnh hại trong lô cây giống.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

25. Trồng rừng Re gừng

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.660	- Cây giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. - Tuổi cây: Từ 12-24 tháng tuổi kể từ khi cấy cây con vào bầu. - Chiều cao cây: $\geq 80\text{cm}$.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	- Đường kính cổ rễ: $\geq 0,5\text{cm}$. - Cây sinh trưởng, phát triển tốt, không cong queo, cụt ngọn; không bị sâu, bệnh hại.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

26. Trồng rừng Dẻ trùng khánh (bằng cây ghép)

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	500	- Nguồn gốc giống: Chọn nguồn giống từ cây Dẻ bản địa huyện Trùng Khánh. - Tuổi cây: Từ 4-6 tháng tuổi sau ghép.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	- Chiều cao cây: ≥ 40 cm; chiều dài của cành ghép ≥ 20 cm. - Đường kính cổ rễ: ≥ 1 cm. - Cây sinh trưởng tốt, vết ghép liền sẹo, cây không cong queo, sâu bệnh.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót)	kg/cây/năm	0,5kg NPK hoặc 2 kg phân vi sinh	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc)	kg/cây/năm	0,5 kg NPK hoặc 1 kg phân vi sinh	

27. Trồng rừng Hôi

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.660	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc: Lấy từ cây mẹ/cây trội có nguồn gốc rõ ràng. - Tuổi cây: ≥ 18 tháng tuổi; - Chiều cao cây: ≥ 40cm. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,5$cm.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu cây: Đường kính từ 9-12cm; chiều cao từ 12-15cm, bầu đất có từ 6-8 lỗ ở phía đáy bầu và quanh thành bầu. - Cây sinh trưởng, phát triển tốt; khỏe mạnh, lá xanh, không cụt ngọn, không có dấu hiệu của các loại bệnh hại; không có dấu hiệu của các loại bệnh hại.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

28. Trồng rừng Sưa

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.660	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Cây giống được gieo ươm từ hạt những cây bố mẹ đầu dòng. - Tuổi cây: Từ 6-12 tháng tuổi kể từ khi cấy cây con vào bầu. - Chiều cao cây: $\geq 50\text{cm}$.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	<ul style="list-style-type: none"> - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,4\text{cm}$. - Bầu cây: Đường kính $\geq 8,5\text{cm}$; chiều cao $\geq 13,5\text{cm}$; hỗn hợp ruột bầu có độ kết dính cao, không bị vỡ. - Cây sinh trưởng tốt, không cụt ngọn, thân thẳng, cành lá cân đối; không có biểu hiện sâu, bệnh hại trong lô cây giống.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

29. Trồng rừng Tổng quá sử

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.660	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn từ các lâm phần hoặc cây phân tán có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: Từ 10-16 tháng tuổi, kể từ khi cây con vào bầu. - Chiều cao cây: $\geq 60\text{cm}$. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,7\text{cm}$.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	<ul style="list-style-type: none"> - Bầu cây: Đường kính $\geq 10\text{cm}$, chiều cao $\geq 16\text{cm}$; hỗn hợp ruột bầu thấp hơn mặt bầu 1cm, không bị vỡ, bẹp bầu. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, lá xanh, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không có biểu hiện sâu, bệnh hại trong lô cây giống.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

30. Trồng rừng Vôi thuốc

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	cây/ha	1.660	- Nguồn gốc giống: Hạt giống được thu từ nguồn giống được công nhận hoặc từ cây mẹ được chọn lọc từ các lâm phần có địa chỉ rõ ràng. - Tuổi cây: Từ 12-14 tháng tuổi. - Chiều cao cây: ≥ 80 cm. - Đường kính cổ rễ: $\geq 0,8$ cm.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	- Bầu cây: Đường kính ≥ 10 cm; chiều cao ≥ 16 cm; hỗn hợp ruột bầu đầy ngang mặt bầu, không bị vỡ. - Cây cứng cáp, không cụt ngọn, cây khỏe mạnh không bị vóng lứt; không biểu hiện sâu bệnh hại.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
4	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây	0,01	

31. Trồng rừng tre, Giang

31.1. Trồng tre Đầm trúc (tre Bát độ)

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	Cây/ha	500	- Nguồn gốc giống: Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, cây có bầu, được nhân giống bằng cành chiết. - Tuổi cây: Cây con được nuôi dưỡng trong vườn ươm từ 3 tháng trở lên; bộ rễ thứ cấp hoàn chỉnh; - Chiều dài, đường kính cành chiết: Cành chiết có đường kính gốc cành từ 0,8 cm trở lên; dùng kéo cắt phần ngọn của cành chiết, để lại phần hom dài 30 – 40 cm kể từ gốc cành; - Bầu cây: Bầu có kích thước 14x20cm hoặc 15x22cm; - Cây con có bộ lá phát triển, màu xanh tự nhiên; không bị dị tật thân, cành lá không dập nát, không biểu hiện sâu bệnh hại.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,3	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,3	

31.2. Trồng rừng bằng các loài tre khác (mục đích làm nguyên liệu), cây Giang

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	Cây/ha	500	<ul style="list-style-type: none"> - Nguồn gốc giống: Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, cây có bầu, được nhân giống bằng cành chiết. - Tuổi cây: Cây con được nuôi dưỡng trong vườn ươm từ 3 tháng trở lên; bộ rễ thứ cấp hoàn chỉnh; - Chiều dài, đường kính cành chiết: Cành chiết có đường kính gốc cành từ 0,8 cm trở lên; dùng kéo cắt phần ngọn của cành chiết, để lại phần hom dài 30 - 40cm kể từ gốc cành; - Bầu cây: Bầu có kích thước 14x20cm hoặc 15x22cm; - Cây con có bộ lá phát triển, màu xanh tự nhiên; không bị dị tật thân, cành lá không dập nát, không biểu hiện sâu bệnh hại.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,2	

32. Trồng rừng Luông

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	Cây/ha	300	- Nguồn gốc giống: Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, cây có bầu, được nhân giống bằng cành chiết. - Tuổi cây: Cây giống được nuôi dưỡng ở vườn ươm tối thiểu 4 tháng; có ít nhất một thế hệ mới đã đủ cành đủ lá + Chiều dài, đường kính cành chiết: Cành chiết có đường kính gốc cành từ 0,7 cm trở lên; dùng kéo cắt phần ngọn của cành chiết, để lại phần hom dài 30 – 40 cm kể từ gốc cành; - Bầu cây: đường kính 12-13 cm, cao 18-20 cm; - Cây con có bộ lá phát triển, màu xanh tự nhiên; không bị dị tật, cành lá không dập nát, không biểu hiện sâu bệnh hại.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,3	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,3	

33. Trồng rừng Óc chó

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Cây trồng mới	Cây/ha	400 hoặc 450 hoặc 600	- Nguồn gốc giống: Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, cây có bầu, được nhân giống bằng cây ghép. - Tuổi cây: Tối thiểu 5 tháng sau khi ghép mắt. - Đường kính gốc: Từ 1,5 - 02 cm.
2	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	- Chiều cao: Cây có chiều cao 50-80cm tính từ mặt bầu; phần mắt ghép khỏe mạnh, có chiều cao 30-50cm. - Cây ghép không bị sâu bệnh, không bị cụt ngọn, lá có màu xanh tự nhiên.
3	Phân bón			
-	Năm 1 (bón lót phân NPK)	kg/cây/năm	0,5	
-	Năm 2, năm 3 (bón thúc phân NPK)	kg/cây/năm	0,5	

II. TRỒNG RỪNG HỖN GIAO

STT	Loại vật tư	ĐVT	Số lượng	Tiêu chuẩn, chất lượng giống
1	Công thức trồng		Theo văn bản hướng dẫn, quy định của cấp có thẩm quyền hoặc theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền.	Áp dụng tiêu chuẩn giống cây trồng của trồng rừng thuần loài cho từng loài cây trồng có trong công thức trồng rừng hỗn giao
2	Cây trồng mới	cây/ha		
3	Cây trồng dặm	% cây trồng mới	10	
4	Phân bón	kg/cây/năm	Áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật của trồng rừng thuần loài cho từng loài cây trồng có trong công thức trồng rừng hỗn giao	
-	Năm 1	kg/cây/năm		
-	Năm 2, năm 3	kg/cây/năm		
5	Thuốc chống mối năm 1	kg/cây		